

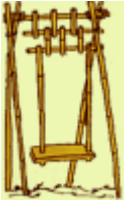
NHỮNG TRÒ CHƠI DÂN GIAN

Nhún đu (Đánh đu)

Trong các ngày hội, các làng thôn thường trồng một vài cây đu ở giữa thửa ruộng gần đình để trai gái lên đu với nhau.

Cây đu được trồng bởi bốn, sáu hay tám cây tre dài vững chắc để chịu đựng được sức nặng của hai người cùng với lực đẩy quán tính. Hai cây tre làm cần đu nhỏ vừa tay cầm.

Lên đu có thể là một hay hai người. Càng nhún mạnh, đu càng lên cao, cần đu đưa lên vun vút, bên nọ sang bên kia. Cần đu lên ngang với ngọn đu là hay nhất, nhiều khi đu bay ngang ngọn đu một vòng. Nhiều nơi treo giải thưởng ở ngang ngọn đu để người đu giật giải.



Nhún đu cũng là một sinh hoạt giao đãi tình cảm của trai gái.

Kéo co

Tục kéo co ở mỗi nơi có những lối chơi khác nhau, nhưng bao giờ số người chơi cũng chia làm hai phe, mỗi phe cùng dùng sức mạnh để kéo cho được bên kia ngã về phía mình. Có khi cả hai bên đều là nam, có khi bên nam, bên nữ. Trong trường hợp bên nam bên nữ, dân làng thường chọn những trai gái chưa vợ chưa chồng.

Một cột trụ để ở giữa sân chơi, có dây thừng buộc dài hay dây song, dây tre hoặc cây tre, thường dài khoảng 20m căng đều ra hai phía, hai bên xúm nhau nắm lấy dây thừng để kéo. Một vị chức sắc hay bô lão cầm trịch ra hiệu lệnh. Hai bên ra sức kéo, sao cho cột trụ kéo về bên mình là thắng. Bên ngoài dân làng cổ vũ hai bên bằng tiếng "dô ta", "cố lên".

Có nơi người ta lấy tay người, sức người trực tiếp kéo co. Hai người đứng đầu hai bên nắm lấy tay nhau, còn các người sau ôm bụng người trước mà kéo. Đang giữa cuộc, một người bên nào bị đứt dây là thua bên kia. Kéo co cũng kéo ba keo, bên nào thắng liền ba keo là bên ấy được.

Đánh roi múa mộc

Roi bằng tre vót nhẵn và dẻo, đầu bịt vải đỏ, còn mộc đàn bằng tre sơn đỏ. Các đấu thủ đấu tay đôi với nhau: vừa dùng roi để đánh, dùng mộc để đỡ, ai đánh trúng địch thủ vào chỗ hiểm và đánh trúng nhiều thì thắng, thường đánh trúng vào vai và sườn mới được nhiều điểm.

Các hội lễ ở miền Bắc thường được tổ chức thi đấu vào những ngày đầu tháng giêng.

Ném cầu (Đá Cầu)



Xã Phú Sơn, Hà Tĩnh cử hành hội mùa xuân tại chùa xã ngày 14 và ngày rằm tháng giêng. Khi trong chùa đang lễ Phật, ngoài sân trai chưa vợ, gái chưa chồng tụ họp nhau dự trò chơi ném cầu để "bói" hôn nhân. Hai quả cầu dùng để ném vào lồng tre là hai quả chanh ngoài có lớp vỏ bên bằng mây bọc quanh: sơn màu xanh gọi là âm cầu và sơn màu đỏ trắng gọi là dương cầu. Trai và gái chia làm hai bên, mỗi bên có người cầm đầu. Hai bên hẹn ước với nhau rằng: "Trong hai nhóm chúng ta, hễ ai đã kết hôn mà ném được quả cầu vào trong lồng thì chỉ được thưởng; còn cặp nào chưa kết hôn mà ném trúng thì không những được thưởng mà còn hẹn sẽ cưới nhau. Nếu ai sai lời sẽ có Phật trời chứng giám". Giao hẹn xong, mấy cặp bắt đầu trò chơi. Trước khi ném cầu, trai gái lần lượt hát:

Cầu này là cầu thiên duyên

Đôi ta mà trúng, kết nguyên cùng nhau

Trò vui kéo dài từ sáng đến chiều. Tuy là trò chơi nhưng mỗi lần một cặp trai gái có tình ý mà cùng ném trúng đều hứa hôn với nhau

Tập tầm vông

Bài đồng dao này phổ biến khắp Bắc, Trung, Nam nhại theo âm trống tầm vông / tầm vinh (gọi theo Nghệ An) tức trống cơm:



<i>Tập tầm vông</i>	<i>Chị ăn kẹo,</i>
<i>Chị có chồng</i>	<i>Em ăn cơm</i>
<i>Em ở vá</i>	<i>Chị ở Lò Gốm,</i>
<i>Chị ăn cá,</i>	<i>Em ở Bến Thành.</i>
<i>Em mút xương.</i>	<i>Chị trồng hành,</i>
.....	<i>Em trồng họ.</i>
	<i>Chị nuôi mẹ</i>
	<i>Em nuôi cha</i>

Cách chơi hiện nay của trò này là hai người chơi ngồi đối mặt nhau, vừa hát vừa theo nhịp đập lòng bàn tay vào nhau: hoặc đập thẳng, hoặc đập chéo, hoặc một cao một hạ thấp, hoặc kết hoẹp nhiều cách khác nhau. Nói chung, cách chơi rất giống trò Thìa la thìa lầy đây.

Nu na nu nống

<i>Nu na nu nống</i>	<i>Con cóc nhảy ra</i>
<i>Cái cống nằm trong</i>	<i>Ông già ú ụ</i>
<i>Cái ong nằm ngoài</i>	<i>Bà mụ thổi xôi</i>
<i>Củ khoai chấm mật</i>	<i>Nhà tôi nấu chè</i>
<i>Bụt ngồi bọt khóc</i>	<i>Tè he chân rứt</i>

Đám trẻ ngồi thành hàng ngang, duỗi hai chân ra trước. Một đứa ngồi đối diện, lấy tay đập vào từng bàn chân theo nhịp từng từ một của bài hát trên. Dứt bài, từ "rứt" đúng vào chân em nào thì phải rứt nhanh. Nếu bị tay của cái đập vào chân thì em đó thua cuộc: ra làm cái ván chơi kế tiếp, hoặc chịu hình phạt (nhảy lò cò một vòng, trồng chuối...) hay phải đứng ra làm cái cho một trò chơi khác (bịt mắt bắt dê, ú tìm, cá sấu lên bờ...)

Tùm nự, tùm nự

<i>Tùm nự, tùm nự</i>	<i>Con rắn, con rít trên trời</i>	<i>Đánh trống nhà rồng</i>
<i>Tay tí, tay tiên</i>	<i>Ai mời mà xuống?</i>	<i>Tay nào có?</i>
<i>Đồng tiền, chiếc đũa</i>	<i>Bỏ ruộng ai coi?</i>	<i>Tay nào không?</i>
<i>Hột lúa ba bông</i>	<i>Bỏ voi ai giữ?</i>	<i>Hồng ông thì bà</i>
<i>ăn trộm, ăn cắp trứng gà</i>	<i>Bỏ chữ ai đọc</i>	<i>Trái mít rụng</i>
<i>Bù xa, bù xít</i>		

Căn cứ vào hai câu "Tay nào có? Tay nào không?", đây là một trò đố: nắm một vật vào đó trong một tay và chìa hai nắm tay. Mở tay ra: đúng sai, có không....biết liền

Thả đĩa ba ba



Trò chơi thể hiện việc qua sông, qua bưng, ruộng...ngập nước. ở dưới nước có đĩa.

Cả nhóm làm sao xuống nước mà đĩa không bắt chước.
 Trước hết vẽ hai đường song song cách nhau độ 2m (hay qui định khoảng trống nào đó) giả định là sông nước. Một em ra giữa vòng vừa hát vừa lấy tay ra đập nhịp vào vai các bạn:

<i>Thả đĩa / ba ba</i>	<i>Đổ mắm / đổ muối</i>
<i>Chớ bắt / đàn bà</i>	<i>Đổ chuối / hạt tiêu</i>
<i>Tha tội / đàn ông</i>	<i>Đổ niêu / nước chè</i>
<i>Cơm trắng / gạo trắng</i>	<i>Đổ phải nhà nào</i>
<i>Gạo thuyền như nước</i>	<i>Nhà ấy.... chịu</i>

Từ "chịu" trúng em nào thì em ấy xuống sông làm "đĩa". Bọn trẻ đưa chạy đầu này, đưa băng qua sông góc nọ. "Đĩa" rượt để bắt. Bọn trẻ lại hát bài hát ghẹo
 Sang sông / về sông / trồng cây / ăn quả / nhả hạt. "Đĩa" rượt bên này thì bên kia xuống sông. "Đĩa" quay lại bên kia thì lũ bên nọ lại réo lên: "ăn quả / nhả hạt" rồi ào xuống. Chẳng may ai bị "đĩa" vớ phải thì trở thành "đĩa".

Thìa la thìa lầy

Là trò chơi luyện tập sự nhịp nhàng. Giống như trò tập tầm vông, song bài ca lại là bài về Con gái hư - chê tật xấu của các cô gái lười:

<i>Thìa la thìa lầy,</i>	<i>ăn quả là bốn</i>
<i>Con gái bảy "tài"</i>	<i>Trốn việc là năm</i>
<i>Ngồi lê là một,</i>	<i>Hay nằm là sáu</i>
<i>Dựa cột là hai.</i>	<i>Láu táu là bảy</i>
<i>Thầy lay là ba</i>	<i>.....</i>

TRÒ CHƠI CON TRẺ

Đánh chuyền (Đánh Đũa):



Trò chơi của con gái. Số người chơi 2-5 người. Đồ chơi gồm có 10 que nhỏ và một quả tròn nặng (quả cà). Cầm quả cà ở tay phải tung lên không trung và nhặt từng que. Lặp lại cho đến khi quả cà rơi xuống đất là mất lượt. Chơi từ bàn 1 (lấy một que một lần tung cà) bàn 2 (lấy hai que một lần) cho đến 10, vừa nhặt quả chuyền vừa hát những câu thơ phù hợp với từng bàn. *Một mốt, một mai, con trai, con hén,... Đôi tôi, đôi chị... Ba lá đa, ba lá đề v.v.* Hết bàn mười thì chuyền bằng hai tay: chuyền một vòng, hai vòng hoặc ba vòng và hát: *"Đầu quạ, quá giang, sang sông, trồng cây, ăn quả, nhả hạt..."* khoảng 10 lần là hết một bàn chuyền, đi liền mấy ván sau và tính điểm được

thua theo ván.

Đánh khăn (Đánh Căng):

Một trò chơi của trẻ nhỏ. Hai bên đứng đối diện nhau. Một người cầm hai đoạn tre, một ngắn một dài. Đào một hố nhỏ, dài dưới đất, đặt đoạn tre ngắn lên miệng hố, lấy thanh tre dài hất đoạn tre ngắn lên cao đánh thật mạnh văng ra xa. Nếu người đứng đối diện bắt được thanh tre, người đó sẽ được vào chơi thay.



Đánh quay (Chơi Vù):

Trò chơi của trẻ nhỏ. Đồ chơi là con quay bằng gỗ hay sừng hình nón cụt, có chân bằng sắt. Dùng một sợi dây, quấn từ dưới lên trên rồi cầm một đầu dây thả thật mạnh cho quay tít. Con quay của ai quay lâu nhất, người đó được. Có thể dùng một con quay khác bổ vào con quay đang quay mà nó vẫn quay thì người chủ của con quay đó được nhất.

Đánh Đáo

Nhong Nhong Cưỡi Ngựa "Bình Kho"

(Kính tặng các ông đã từng làm mưa làm gió trong làng đáo)

Ai đã sống quãng đời từ sáu, bảy, đến mười hai, mười ba tuổi, trên dải đất Việt Nam, từ Bắc vào Nam, chắc đều biết vài ba kiểu đáo.

Đáo là trò chơi của con trai. Con gái thì nhảy giầy, đánh chuyền... Còn gì vui nhộn cho bằng một sân trường trong giờ ra chơi. Dưới bóng mát của cây bàng, cây sấu hay cây phượng, cây me, chỗ này một nhóm đánh đáo, chỗ kia một đám đá cầu, bắn bị Reo hò cứ như là mổ bò... Giờ chơi bao giờ cũng quá ngắn ngủi. Lũ trẻ còn tiếc rẻ ván đáo dở dang, hẹn nhau hôm sau tiếp tục. Nếu hôm sau là chủ nhật thì sao? "Eo ơi ! lâu thế thì làm sao đợi được?". Phải hẹn tới nhà nhau mà "đánh" tiếp chứ.

Trẻ con ham mê đánh đáo lắm... Chả cứ gì trẻ con, ngay cả người lớn cũng có nhiều người mê tơi vì đáo ! "Đáo" là cái trò gì mà quyến rũ như vậy? Muốn biết là trò gì thì ta chỉ việc lật ... Mà thôi hãy khoan ... Chuyện chữ nghĩa lát nữa hãy bàn...

Mời bạn đi xem đánh đáo kéo muện ((2)).

Huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú, hàng năm tổ chức chơi "đáo đá" vào ngày mồng 6 tháng giêng, để chọn người làm chủ tế ở đình cho suốt năm. Những người được làng cử ra chơi phải hội đủ mấy điều kiện: trên 50 tuổi, đồng con cháu, gia đình đạo đức, không tang chế.

Tại sân đình, người ta đào một cái hào. Đào xong, chính ông lí trưởng tự tay trồng hai cái cọc trong hào. Lúc chơi đáo, cứ hai cụ một ra chơi. Từ bờ hào, mỗi cụ được dùng sáu viên đá để ném vào cọc của mình. Cụ nào ném trúng giữa thân cọc, chỗ có dán tờ giấy điều là thắng cuộc, sẽ được làm chủ tế.

Làng Lũng Ngoại, tỉnh Vĩnh Yên chơi "đáo hú", gần giống đáo đá. Người chơi vừa hú vừa ném viên đá sao cho trúng chân cọc. Mỗi người chỉ được ném một viên đá.

Làng Vọng Nguyệt, tỉnh Bắc Ninh có tục tổ chức đánh "đáo lỗ" tại sân đình vào ngày mồng 4 tháng giêng.

Tại mỗi đầu sân người ta đào 4 lỗ đủ rộng và sâu để có thể ném một viên gạch vào. Làng chọn 8 người có chức sắc ra chơi đáo. Những người này mặc bộ quần áo tề, chia làm hai phe, mỗi phe 4 người. Một hồi chiêng trống nổi lên báo hiệu bắt đầu trò chơi. Mỗi người cầm một viên gạch nhắm ném vào lỗ của đối phương. Ai ném trúng, được vào ngồi chiếu cổ của làng. Ném không trúng thì phải lấy tà áo bọc viên gạch, đem đến bỏ vào lỗ. Bỏ rồi, đến trước bàn thờ thành hoàng làng khấn : "Con trót vụng về để thua ván đáo, vạn lạy ngài, xin ngài xá tội cho con".

Nổi tiếng và bình dân nhất có lẽ là "đáo đĩa" được tổ chức tại Bắc Ninh và Bắc Giang.

Người chơi đáo đứng ở vạch cấm, ném đồng tiền vào một chiếc đĩa đặt trong một cái mẹt. Nếu đồng tiền nằm trong đĩa thì người chơi (nhà con) thắng giải. Văng ra mẹt thì thua, người tổ chức (nhà cái) ăn đồng tiền ấy. Văng ra khỏi mẹt, rơi xuống đất thì hòa, người chơi được lấy lại đồng tiền.

Đáo đĩa khó hay dễ, tùy theo đĩa nhỏ hay lớn, vạch cấm xa hay gần. Giải thưởng có thể bằng tiền hay gói trà tàu, hoặc vuông nhiều điều.

Có nơi thay đổi cách chơi, biến đáo đĩa thành "đáo ô". Chiếc đĩa được thay bằng chiếc khay kê ô. Mỗi ô được sơn màu trắng hay đen để phân biệt ô được, ô thua. Người chơi đứng ở vạch cấm ném đồng tiền vào khay. Tiền nằm trong khay thì theo màu ô mà định được thua. Tiền văng ra ngoài khay thì hòa.

Đáo đĩa, đáo ô là hai trò chơi thường có ăn thua tiền bạc giữa nhà cái và nhà con. Nếu chỉ muốn mua vui, thử thời vận đầu năm, hay chỉ muốn khoe tài giữa bạn bè thì chơi "đáo cọc" của làng Lũng Ngoại, tỉnh Vĩnh Yên.

Người ta trồng một cái cọc ở một mé sân đình. Đầu cọc cắm cờ ngũ sắc, vừa đẹp vừa dễ thấy từ xa. Sáng mùng 3 Tết, ông tiền chủ của làng làm lễ tại đình, rồi ra ném viên đá đầu tiên, khai mạc cuộc chơi. Người chơi đáo đứng ở vạch cấm, ném những viên đá tròn tới chân cọc. Viên đá của ai nằm gần chân cọc nhất thì người đó thắng cuộc. Trò chơi càng hào hứng, vui nhộn mỗi khi có ai nhắm đánh văng bật viên đá của người khác ra xa chân cọc!

Chơi đáo tại hội làng là thú vui của người lớn, đúng hơn là của các ông. "Phép vua thua lệ làng". Lệ làng là như vậy ! Trẻ con chỉ được quyền châu rìa, vỗ tay. Nghĩ cũng tức thật ! Chẳng lẽ con cháu cứ đứng nhìn cha ông vui chơi? Bỗng một ngày nào đó, trong đám trẻ nây ra một bộ óc thông minh đầy sáng tạo, dám nghĩ rằng " Lệ làng phải hàng ... luật trẻ". Bộ óc này đã cả gan cải tiến, đổi mới những kiểu chơi của người lớn thành những trò tiêu khiển hoàn toàn của trẻ con: đó là những lối đánh đáo ngoạn mục và hào hứng. Phổ biến nhất phải kể hai món "đáo lỗ" và "đáo tường".

Đáo lỗ chơi chỗ nào cũng được, bao nhiêu người chơi cũng được, trừ ... chơi một mình ! Chỉ cần khoét một cái lỗ dưới đất, to nhỏ, nông sâu tùy theo thỏa thuận giữa người chơi. Muốn dễ chơi thì khoét lỗ to và sâu nằm giữa bãi đất. Những tay lão luyện thì chỉ cần một lỗ vừa khít kích thước đồng cái, thường là đồng hai hào ngày xưa, xấp xỉ bằng đồng 1 euro (tiền của Cộng đồng Châu Âu). Để làm tăng thêm khó khăn, các bậc đàn anh thường chọn chỗ đất nghiêng, khoét lỗ gần một chướng ngại vật, cạnh một gốc cây, sát một mảnh chai chẳng hạn ! Cạnh lỗ kẻ một lần mức. Cách lần mức này độ hai, ba mét là vạch cấm. Đáo lỗ có nhiều luật lệ, tùy theo giao ước giữa người chơi.

Bắt đầu phải "đi cái" để định thứ tự chơi. Từ vạch cấm, ai thả đồng cái gần lỗ nhất (trường hợp lí tưởng là ... bít kín lỗ), được chơi trước. Người chơi đứng ở vạch cấm thả tiền đáo (tiền góp) lên quá lần mức. Nếu có đồng nằm dưới lần mức thì bị thua hoặc bị phạt, phải góp thêm tiền. Đồng nào chạm hoặc rơi vào lỗ thì người khác được quyền đặt lại vào bất cứ vị trí nào. Trường hợp có nhiều đồng chồng dính lên nhau, người khác được tùy ý xếp lại thành đồng lớn. Nếu người chơi đánh tan hết đồng tiền thì thắng ván đáo, đánh tan một phần thì chỉ được những đồng đánh tan này. Đây là lúc phải "bày binh bố trận" sao cho khéo, phải nghĩ ra những mẫu kiến trúc tân kì, dựng đến là văng tung toé, va chạm lung tung, người chơi sẽ bị phạt. Nếu không có tiền chồng dính nhau, thì người khác được chỉ định bất cứ đồng nào, người chơi phải đánh trúng đồng đó. Đặc biệt là đồng nằm dựng lần mức, đánh trúng nhưng vẫn còn phải nằm dựng lần mức ! Lúc đánh, nếu chạm bất cứ đồng nào khác, ngoài những đồng được chỉ định, là bị phạt. Đánh văng xuống dưới lần mức hoặc chạm vào lỗ cũng bị phạt !

Lúc bắt đầu một ván đáo, mỗi đứa góp vài ba hào. Sau vài lần phạt, số tiền cứ tăng dần. Thình thoàng có ván lên đến mấy đồng, bàn tay trẻ con cầm không hết, cả bọn phải đồng ý lấy bớt để ra ngoài ! Bắt đầu hồi hộp, gay cấn rồi đấy !

Có những cú đánh "thần sầu quỷ khốc", đáng được ghi vào sách vở ! Có những ván "bất phân thắng bại", cuối cùng đành phải hòa. Cao thủ gặp nhau mà lị !

Kẻ mới nhập môn làng đáo, còn e ngại đáo lỗ khó chơi, thường bắt đầu bằng "đáo điệu", còn gọi là "đáo thù". Đáo điệu dễ hơn đáo lỗ ở chỗ ... không có lỗ. Chỉ có lần mức và vạch cấm. Giản dị hơn nữa thì chỉ khoét lỗ, không vạch lần mức. Từ vạch cấm, thì nhau thả đồng tiền vào lỗ. Trò chơi này có nơi cũng gọi là "đáo lỗ", có nơi chỉ gọi trống không là đáo để phân biệt với đáo lỗ có nhiều luật lệ kể ở trên.

Tại các thành phố lớn, vỉa hè được tráng xi măng, nhiều lúc không tìm ra khoanh đất để khoét lỗ, đành phải vẽ một vòng tròn con con thay vào. Cách chơi tuy không thay đổi nhưng trò chơi đã giảm mất đôi phần thú vị. Thả đồng cái vào lỗ là cả một tích lũy kinh nghiệm, kết quả của luyện tập lâu ngày. Đất mềm hay cứng, nhẵn hay mấp mô? tùy địa hình mà đưa ra lối chơi thích hợp. Thả tiền trên nền xi măng thì còn gì là hứng thú, hấp dẫn ! Còn đâu cái khoảnh khắc hồi hộp nhìn đồng tiền lướt nhẹ trên mặt đất, từ từ bít kín lỗ đáo? Đứa khó tính bĩu môi "Chán bỏ xừ". Thế là cả bọn nhao nhao "Ừ, chán bỏ xừ, chơi đáo tường thích hơn".

"Đáo tường", còn gọi là "đáo đập", chỉ cần một lần mức. Lúc chơi đập đồng tiền vào tường cho văng ra. Đồng nào nằm gần lần mức là hơn, vượt quá là thua. Đứa thứ nhất được lấy đồng của mình chơi đồng của đứa thứ nhì. Chơi trúng thì được ăn đồng ấy và được chơi tiếp đồng của đứa thứ ba...Nếu chơi không trúng đồng nào thì đến lượt đứa có đồng ấy được chơi những đồng tiếp theo. Cứ lần lượt như vậy cho đến hết.

Đáo tường chơi mau chán vì có ít luật lệ. Nếu chán thì còn "đáo móc", gần giống đáo tường, chỉ khác ở chỗ lúc đập đồng tiền vào tường, bắt buộc phải đập móc, nghĩa là phải vung tay theo chiều từ dưới lên trên. Đồng tiền văng theo đường cầu vồng trước khi chạm mặt đất.

Khó khăn lớn nhất của đáo tường, đáo móc là kiếm cho ra một bức tường để chơi mà không bị người lớn xua đuổi ! Nhiều khi

không kiểm ra tường phải đập tạm vào cột, vào gốc cây "Cười gượng còn hơn mếu "!

Sau một buổi dạo chơi nổi, bức tường được trang điểm lấm tấm, đẹp như mặt rỗ hoa ! Bọn trẻ không hiểu nổi tại sao các bậc cha mẹ lại không ưa, không thích, thậm chí còn ghét hai món đồ này?

Thình thoảng gặp cơn khó khăn, cả bọn trần như nhộng, không có đồng xu dính túi, hoặc bị mẹ cấm đánh bạc, chỉ còn nước rủ nhau giải trí lành mạnh, đánh đáo bằng một nắm xèng. Đồng xèng là cái nắp bia bằng sắt được đập cho thành hình tròn bằng phẳng. Đồng cái là một mảnh ngói hay một miếng gạch con con.

Mấy đứa thua phải làm ngựa cống đưa được, chạy nhong nhong quanh gốc cây, hay chạy rỗng rỗng lượn qua lượn lại một vòng. Ngô Quý Sơn gọi con ngựa của trẻ con này là "ngựa Bình Kho " (le cheval Bình Kho)(2). Nhưng ông không cắt nghĩa, không nói tại sao lại gọi như vậy? Ngô Quý Sơn đã treo lủng lẳng một cái dấu hỏi trước mặt mọi người.

Đã từng một thời mê đánh đáo, khoái chí quất ngựa nhong nhong bù lại những lúc phải cong lưng chờ nặng chạy loanh quanh, tôi cứ bứt rứt, muốn tìm cho ra con ngựa Bình Kho này.

Tôi tự đặt câu hỏi :

Bình Kho là tên người, tên một giống ngựa, hay tên một nơi nuôi ngựa nổi tiếng?

Tìm kiếm trong mấy bộ sách sử kí, địa lí, phong tục đang có thì không thấy tên Bình Kho.

2) Bình Kho là do đọc trại từ tên nào khác?

Tôi tìm được ba tên phát âm gần giống Bình Kho :

- Bình khấu, một chức quan đi dẹp quân làm loạn (Huỳnh Tịnh Của, Đại Nam quốc âm tự vị).
- Bình khùng, một loại giường (Nguyễn Hồng, Sóng gấm).
- Bình Khang, nơi nổi tiếng nuôi "ngựa người " của ... người lớn (Nguyễn Du, Kiều).

Trong ba tên, chỉ có "bình khấu " là tương đối sát nghĩa. "Ngựa bình khấu " có thể tạm hiểu là ngựa của ông quan có nhiệm vụ đi dẹp loạn. Hình ảnh ông quan cưỡi ngựa, có lính đi hầu, rất thích hợp với trò chơi của trẻ con. Mặc dù thuở nhỏ chúng tôi chỉ biết con ngựa :

*Nhong nhong ngựa ông đã vẽ
Cắt cỏ Bồ Đề cho ngựa ông ăn.*

Thật là may ! Phải reo lên là thích quá, sướng quá, gần đây tôi đã tìm ra tông tích con ngựa Bình Kho, trong bộ tranh dân gian Oger. Tấm tranh vẽ trẻ con làm ngựa chơi đùa. Tên tranh được viết là "Làm ngựa Bình Vu" (hai chữ Bình Vu tôi tạm đọc theo chữ Hán).

Vậy Bình Vu là gì?

a) Tên Bình Vu cũng như Bình Kho, không có trong sách.

b) Chữ Bình có thể đọc ra tiếng nôm thành Bằng. Nếu vậy, phải trả lời câu hỏi: trẻ con làm ngựa bằng...gì? Chỉ có thể bằng vai, bằng tay, bằng lưng, hay bằng kiệu. Mấy chữ nôm vai, tay, lưng, kiệu viết hoàn toàn khác chữ vu trong tranh.

c) Chúng ta thử tra nghĩa của hai chữ bình vu.

- Chữ bình , nghĩa là bằng phẳng, yên ổn. Chữ bình có rất nhiều chữ đồng âm. Ngoài những chữ bình được ghi trong cả hai cuốn Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh (3) và Hán Việt tự điển của Thiều Chửu (4), cuốn Thiều Chửu còn có thêm một chữ bình mà cuốn Đào Duy Anh không có. Đó là chữ bình (bộ nhân) , nghĩa là sai khiến, bắt làm một việc gì.

- Chữ vu (cũng đọc là hu, Thiều Chửu), nghĩa là quanh cộ Chữ này có đánh dấu cá, báo hiệu là không được đọc theo tiếng Hán.

Bình vu đọc theo nghĩa, có thể là :

- Bể phẳng, quanh co. Tên tranh trở thành " làm ngựa chạy quanh co trên một mặt phẳng" (sân, vỉa hè). Rất đúng với hình học không gian! Nhưng đặt trong bối cảnh bộ tranh dân gian, tả một trò chơi của trẻ con, tôi nghĩ rằng nghệ sĩ bình dân không giàu tưởng tượng, cầu kì đến mức đó!

- Sai khiến, quanh co. Tên tranh bây giờ có nghĩa là "làm ngựa (bị sai khiến) chạy quanh co". Đúng là con ngựa nhong nhong thân yêu của chúng tôi Đứa được bắt đứa thua công chạy một vòng. Nhóc nào đã chơi đáo giải trí hẳn đều biết con ngựa này.

Theo tôi, chữ bình trong tranh viết thiếu bộ nhân, thiếu cả dấu cá để lưu ý người đọc!

Tại sao Ngô Quý Sơn lại đọc chữ vu thành chữ kho? Tôi phỏng đoán có thể Ngô Quý Sơn nhầm chữ vu của tranh với chữ vu nghĩa là khoai(bộ thảo), rồi đọc âm khoai thành kho.

Trở lại chuyện đáo.

Đáo có từ thời nào? Không ai trả lời đích xác được. Nhưng chắc chắn là đáo đã xuất hiện từ lâu, được chơi trong lễ hội cổ truyền của nhiều làng quê miền Bắc. Có giả thuyết cho rằng "đáo hú" của làng Lũng Ngoại được tổ chức để tưởng nhớ bà Lê Ngọc Trinh, một nữ tướng của Hai Bà Trưng, người đã bày ra trò chơi trong khi luyện tập binh sĩ (.

Tên đáo từ đâu mà ra? Rất có thể là từ chữ đáo của tiếng Hán, nghĩa là đến, đến nơi đến chốn. Chơi đáo chính là ném một vật gì đến cái đích.

Định nghĩa của đáo là gì? Chúng ta lật tự điển :

- Đáo : cuộc chơi, đào lỗ dưới đất, đứng xa xa mà thả vật gì nhằm lỗ (Huỳnh Tịnh Của) (5).

- Đáo : Jeu d'enfants consistant à lancer une sapèque contre un but (Gustave Hue) (6).

- Đáo : Trò chơi của trẻ em, ném đồng tiền hoặc vật tương tự vào một cái đích (Hoàng Phê) (7).

Định nghĩa của Hoàng Phê gần giống định nghĩa của Gustave Hue

Cả ba định nghĩa trên đều còn thiếu sót. Huỳnh Tịnh Của chỉ nói đến đáo lỗ. Gustave Hue và Hoàng Phê lại bỏ quên mất ... người lớn. Vâng, chính người lớn, các ông lớn ở làng, đã bày ra trò chơi đáo trước trẻ con.

Văn Tân (8) định nghĩa một cách tổng quát hơn :

- Đáo : Trò chơi quăng đồng tiền hay một vật gì vào một cái đích.

Non nửa thế kỷ rồi mà đôi lúc còn bùi ngùi mừng tượng đến cái đám tí nhau, được người đời liệt vào hàng thứ ba, sau quỷ và ma ... Đứa còn đứa mất. Đứa lên ông, đứa xuống thẳng. Phiêu bạt nơi đất Mỹ, trời Tây hay vẫn ngày ngày đi về mấy con đường năm xưa.

Gặp lại, chắc chắn mấy mái tóc hoa râm chẳng ai nhận ra ai. Nhưng nếu gợi lại những buổi trưa hè, đánh đáo vỉa hè, thì có lẽ tất cả sẽ cười ồ lên, ôm chầm lấy nhau !

(- Phan Thanh Hiền và một nhóm :Trò chơi dân gian Việt Nam NXB TP Hồ Chí Minh, 1990.

(2)- Ngô Quý Sơn : Jeux d'enfants du Vietnam Sudestasie, Paris, 1985 (in lại).

(3)- Đào Duy Anh : Hán Việt từ điển NXB Trường Thi, Sài Gòn, 1957.

(4)- Thiều Chửu : Hán Việt tự điển NXB TP Hồ Chí Minh, 1993.

(5)- Huỳnh Tịnh Của : Đại Nam quốc âm tự vị NXB Rey, Saigon, 1895.

(6)- Gustave Hue : Tự điển Việt-Hoa-Pháp NXB Trung Hòa, 1937.

(7)- Hoàng Phê và một nhóm : Từ điển tiếng Việt NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

(8)- Văn Tân và một nhóm : Từ điển tiếng Việt, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

oOo

CỜ NGƯỜI

Cờ người là tên gọi cuộc chơi cờ tướng, gồm 32 quân (như cờ bài tam cúc), mỗi phe 16 quân(trong mỗi phe có một Tướng. Tướng nam gọi là tướng Ông, trang phục đen hoặc xanh; tướng nữ còn gọi là tướng Bà, trang phục đỏ). Chơi cờ tướng là chơi trên bàn cờ. Ba mươi hai quân cờ bằng gỗ, sừng, hay ngà tiện tròn, đường kính 2cm, dày 1cm. Chơi cờ người cũng vẫn là luật lệ của cờ tướng. Nhưng quân cờ là người thật, và bàn cờ là sân đất rộng, đủ đường đi nước bước cho 32 người.



Cuộc đấu cờ người thường được tổ chức trong các hội hè. Ở các hội làng, bàn cờ là sân đình, sân chùa, hay bãi ruộng khô phẳng gần nơi đình chùa, tức là gần diên chùa trường chính của hội. Cuộc đấu cờ người được chuẩn bị chu đáo hàng tháng trời. Định được bàn cờ -sân bãi-chỉ mới là việc phụ. Đầu tiên là việc tuyển tìm người. Những người được chọn làm quân cờ phải là những trai thanh gái lịch, con cái của những gia đình có nề nếp được dân làng quý trọng, đồng tình. Số lượng cần thiết là 16 nam,16 nữ. Trong số này phải chọn ra hai tướng: một nam, một nữ tướng Ông, tướng Bà. Ngoài ra, không thể thiếu người thứ 33 là tổng cờ (trọng tài) trực tiếp giúp ban giám khảo theo dõi cuộc đấu. Ba người này (tổng cờ và hai tướng) là thuộc loại gia đình khá giả, phong lưu, có thể "khao quân" khi cần thiết. Chọn xong, tổng cờ họp hai đội nam, nữ thông báo về trang phục, dặn dò về phong thái trong lúc làm nhiệm vụ "quân cờ". Quân áo mỗi người tự sắm, song phải thống nhất trong từng phe (quân đen, quân đỏ) khi ra sân bãi, bàn cờ được tạo ra một màu sắc rực rỡ nhiều màu dưới trời hội xuân.

Mỗi "quân cờ" có ghế đầu ngồi có thể có đội nón nếu trời nắng to. Trước ngực mỗi "quân cờ" có treo tên quân cờ bằng chữ hán. Còn tướng, trang phục như hình vẽ, hoặc gần như thế, trong quân bài; đó là quân phục cấp tướng đời xưa, có lọng che. Hai đấu thủ có chỗ ngồi riêng...

Bên cạnh sự náo động của các trò chơi khác như đánh đu đầy tính chất hào hứng và lãng mạn; hay cuộc chơi gà "ăn thua"; hoặc cuộc đấu vật thiên về sức mạnh cơ bắp và dũng khí, thì cái đẹp của sân cờ người là sự tĩnh tế, trầm tĩnh, có giá trị di dưỡng tinh thần, và như muốn tạo sự cân bằng đối với các cuộc đua tài ào ạt kia, đồng thời bổ xung và nâng cao giá trị văn hoá truyền thống của cá lễ hội qua nhiều thế kỷ lưu truyền.